

Biểu 10/CH

DỰ KIẾN DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Thanh Miện)

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Công trình dự án trong Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh		440.33					354.72	85.61	0.00	598.49
1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng an ninh		6.88					5.88	1.00	0.00	6.88
1.1	Đất Quốc phòng		3.88					2.88	1.00	0.00	3.88
1	Quy hoạch đất Quốc phòng	CQP	3.88	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Tứ Cường; xã Cao Thăng	Tờ 13 (thửa 44...381); tờ 15 (thửa 179...475)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 14/ NQ-HĐND ngày 26/7/2023 của HĐND huyện về việc phê duyệt dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách huyện	2.88	1.00		3.88
1.2	Đất An Ninh		3.00					3.00	0.00	0.00	3.00
1	Di chuyển Trụ sở làm việc công an huyện Thanh Miện (Tổng diện tích đất an ninh 3,75 ha; trong đó đất HLGT 0,75 ha)	CAN	3.00	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Thị trấn Thanh Miện	Tờ 13 (Thửa 362, 374, 479-492,550-551, 562, 557....)	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương	3.00			3.00
1	Công trình, dự án để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng		0.00								
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định ch trương đầu tư mà phải thu hồi đất		0.00								
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất		0.00								
2	Các công trình, dự án còn lại		433.45	0.00	0.00		0.00	348.84	84.61	0.00	591.61
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		403.39	0.00	0.00		0.00	331.08	72.31	0.00	560.24
2.1.1	Đất cụm công nghiệp		70.64	0.00	0.00	0.00	0.00	24.14	46.50	0.00	134.72
1	Cụm công nghiệp Đoàn Tùng 2	SKN	2.00	LUC; DGT; DTL	Xã Đoàn Tùng	Tờ 6 (thửa 821, 923...), tờ 9 (thửa 175, 176, 197, 198...), Tờ 10 (thửa 6,7, 76-78...), tờ 5 (thửa 825, 826, 780, 781, 855, 893, 854, 678, 679...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; QĐ số 4070/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng đầu tư xây dựng Cụm Công nghiệp Đoàn Tùng 2 của Công ty TNHH Hòa Quân	2.00			37.88

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		
2	Cụm Công Nghiệp Cao Thắng	SKN	1.81	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL, MNC	Xã Cao Thắng; Xã Tứ Cường	Tờ 7, tờ 8 (thửa 139, 213, 215, 274, 440, 588, 614 ...)	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh Về việc giao chủ đầu tư và điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của Chi tịch UBND tỉnh Hải Dương	1.81			1.81
3	Cụm công nghiệp Đoàn Tùng	SKN	0.33	LUC	Xã Đoàn Tùng	Tờ 07 (thửa 1547-481,1547...); Tờ 11 (thửa 615-616,...,659, 654, 581, 564, 563...)	Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất và lắp ráp đồ chơi trẻ em của nhà đầu tư Global Lead Investment Limited; Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án nhà máy sản xuất cần câu cá của nhà đầu tư Forward Grow Corp;	0.33		Gia hạn NQ 56-2021	0.33
4	Cụm công nghiệp Ngũ Hùng- Thanh Giang	SKN	25.00	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL, MNC	Xã Ngũ Hùng, xã Thanh Giang	Xã Ngũ Hùng Tờ 12; Xã Thanh Giang Tờ 4, 1, 2	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; QĐ 815/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 về thành lập CCN; QĐ 3211/QĐ-UBND ngày 09/9/2009 phê duyệt QHCT xây dựng CCN; Tờ trình 1459/TTr-UBND ngày 31/5/2023 của UBND huyện Thanh Miện về xem xét, quyết định giao làm chủ đầu tư xây dựng HTKT CCN	20.00	5.00		53.20
5	Cụm công nghiệp Tứ Cường	SKN	41.50	LUC , ONT , DNL; NTD ; CLN, DGT , DTL, HNK, NTS, SON ; MNC, SKC, SKN , TON	Xã Tứ Cường	Tứ Cường (Tờ 14, 15) Ngũ Hùng (Tờ 5, tờ 8); Chi Lăng Bắc (Tờ 4)	Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh về thành lập CCN Tứ Cường; Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh về điều chỉnh chi tiêu một số loại đất		41.50		41.50
2.1.2	Đất phát triển hạ tầng		104.77					96.40	8.37	0.00	172.45
2.1.2.1	Đất giao thông		61.99					57.23	4.76	0.00	131.68
1	Dự án đầu tư xây dựng đường trục Bắc - Nam, huyện Thanh Miện (giai đoạn 1)	DGT	11.56	LUC, ONT, CLN, DGT, HNK, NTS, SON, MNC, SKC, SKN, TON	Xã Hồng Quang; Lam Sơn; Lê Hồng; Thanh Tùng; Đoàn Tùng	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Văn bản số 2380/SGTVT-P4 ngày 09/11/2020 của Sở GTVT Vv đề xuất phương án phạm vi, hướng tuyến, quy mô đường trục Đông Tây, tỉnh Hải Dương	9.46	2.10		28.10
2	Dự án đầu tư xây dựng đường trục Đông Tây tỉnh Hải Dương	DGT	14.24	LUC , ONT , DNL; NTD ; CLN, DGT , DTL, HNK, NTS, SON ; MNC, SKC, SKN , TON	Đoàn Kết; Lê Hồng; Lam Sơn; Tứ Cường; Cao Thắng; Chi Lăng Bắc; Ngũ Hùng; Thanh Giang, Thị trấn	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Văn bản số 2380/SGTVT-P4 ngày 09/11/2020 của Sở GTVT Vv đề xuất phương án phạm vi, hướng tuyến, quy mô đường trục Đông Tây, tỉnh Hải Dương	14.24			51.00

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		
3	Đường vành đai phía Đông Bắc Thị trấn Thanh Miện	DGT	3.54	LUC; HNK; NTS; CLN; ODT; SKC; NTD; DTL; DGT; DNL	TT Thanh Miện; Xã Lam Sơn	TT Thanh Miện (tờ 2,3,8) Công trình dạng tuyến; xã Lam Sơn (tờ 8,13); Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Văn bản số 1253/UBND-VP ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương lập đề xuất dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai thị trấn Thanh Miện	3.54			18.08
4	Sửa chữa đột xuất xử lý điểm đen tai nạn giao thông tại Km 14+800-Km15+100 QL.38B, tỉnh Hải Dương	DGT	1.65	LUC (0.11), HNK (0.13), NTS (0.14), NTD (0.01), DGT(1.22), DTL(0.04)	Xã Tứ Cường	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 40/ ngày 29/10/2021 NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 2662/QĐ- TCBDVN ngày 07/6/2011 của Tổng cục đường bộ Việt Nam về phê duyệt báo cáo kinh tế- kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình	1.65		Gia hạn NQ 40-2021	1.65
5	Cải tạo nâng cấp đường Cao Thắng - Tiền Phong, đoạn Km5+00-Km8+800, huyện Thanh Miện	DGT	6.00	LUC (0,50); DGT (3,50); DTL (1,00); CHN (0,50); CLN(0,50)	Xã Cao Thắng; Xã Chi Lăng Bắc; Xã Chi Lăng Nam	Xã Cao thắng tờ 10 CT; thửa 184; Tờ 10 thổ cư, Thửa (116, 117,..., 205, 206). Xã Chi Lăng Bắc tờ 11 thửa (01, 27, 41, 42, 52); Tờ 16; Thửa (1,2,3, 4,..., 175); Xã Chi Lăng Nam: Tờ 01; Thửa (3,4,..., 282,283); Tờ 02; Thửa 3,4, ..., 301,302)	Nghị quyết số 38/2023/Nghị quyết-HĐND tỉnh ngày 13/7/2023; QĐ số 1287/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Cải tạo nâng cấp đường Cao Thắng - Tiền Phong, đoạn Km5+00-Km8+800, huyện Thanh Miện	6.00			6.00
6	Quy hoạch, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trên địa bàn xã Thanh Tùng	DGT	0.90	LUC, CLN, NTS, CHN, ONT	Xã Thanh Tùng	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Phù hợp nông thôn mới nâng cao của xã	0.90			0.90
7	QH đường giao thông Đổ Hạ khu Ao pha nhì	DGT	0.24	HNK (0,16), NTS (0,20), LUC (0,20)	Xã Phạm Kha	Tờ 8; Tờ thửa số: 960 đến thửa 976; tờ thửa 867 đến thửa 969	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; QĐ 2720/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh Hải Dương(0,56)	0.24			0.24
8	Cải tạo, nâng cấp đường huyện Bình Xuyên - Ngô Quyền - Tân Trào và Cải tạo, nâng cấp đường huyện 195, đoạn từ Km 4+300 - Km 7+800 (gđ 1 Km 4+300-Km 7+800; GĐ 2 Km 0-Km 4+300)	DGT	9.00	CLN, ONT, NTS, LUC, DTL, LUC	Xã Ngô Quyền, xã Hồng Quang, xã Tân Trào, xã Lê Hồng, xã Đoàn Kết	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương (1.40); Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương (2.0); Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (4,20); Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh Hải Dương (2,80); Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Miện, khóa XX, kỳ họp thứ 9 Về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp đường huyện 195, đoạn từ Km0-Km4+300, huyện Thanh Miện	9.00			9.00
9	Dự án đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Hải Hưng kết nối tỉnh Hải Dương với tỉnh Hưng Yên huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	DGT	1.50	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Đoàn Kết	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Văn bản số 3465/UBND-VP ngày 29/11/2022 về việc điều chỉnh cơ quan lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Hải Hưng kết nối tỉnh Hải Dương với tỉnh Hưng Yên huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;	1.20	0.30		2.00

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		
10	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường trên địa bàn xã Ngô Quyền	DGT	0.20	CLN, ONT, NTS, LUC, DTL, LUC	Xã Ngô Quyền	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030; Hoàn thiện đề CMD, Dân hiến đất và đất công điền	0.20			0.20
11	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 393 đoạn Km10+180-Km20+050 (từ cống Ba Đa đến cầu Từ Ô)	DGT	9.90	CLN, ONT, NTS, LUC, DTL, LUC	Xã Đoàn Tùng; Hồng Quang; Tân Trào	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/4/2024 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 01/3/2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương 5 năm (2021-2025) và năm 2024 lần 2	9.90			11.25
12	Cải tạo nâng cấp đường xã Hồng Phong (đoạn từ đường tỉnh 392 B đến đường huyện Cao Thắng Tiên Phong)	DGT	0.90	CLN, ONT, NTS, LUC, DTL, LUC	Xã Hồng Phong, xã Thanh Giang	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 71/ NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Miện về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022; QĐ số 2397/QĐ- UBND ngày 09/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở Dự án: Cải tạo đường xã Hồng Phong, đoạn nối từ đường tỉnh 392B đến đường huyện Cao Thắng – Tiên Phong	0.90			0.90
13	Cải tạo đường vào và khu vực đón tiếp Khu du lịch và bảo tồn sinh thái Đảo Cò, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện.	DGT	0.40	CLN, ONT, NTS, LUC, DTL	Xã Chi Lăng Nam	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND huyện Thanh Miện ngày 19/07/2024 về việc phê duyệt dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025		0.40		0.40
14	Cải tạo, nâng cấp đường phố Lê Văn Nỗ thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện đoạn Km0+000-Km1+250 (từ Ngã tư Triệu Nội đến ngõ 6 đường phố Lê Văn Nỗ).	DGT	0.90	CLN, ONT, NTS, LUC, DTL	Thị trấn Thanh Miện	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND huyện Thanh Miện ngày 19/07/2024 về việc phê duyệt dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025		0.90		0.90
15	Cải tạo đường xã Đoàn Kết, đoạn từ đường tỉnh 392 C đến thôn Từ Ô, xã Tân Trào huyện Thanh Miện	DGT	0.65	CLN, ONT, NTS, LUC, DTL	Xã Đoàn Kết; Xã Tân Trào	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND huyện Thanh Miện ngày 19/07/2024 về việc phê duyệt dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025		0.65	Đã phê duyệt dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025, vốn ngân sách huyện	0.65
16	Cải tạo đường liên xã Đoàn Tùng - Phạm Kha, huyện Thanh Miện.	DGT	0.41	CLN, ONT, NTS, LUC, DTL	Xã Đoàn Tùng, xã Phạm Kha	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND huyện Thanh Miện ngày 19/07/2024 về việc phê duyệt dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025		0.41		0.41
2.1.2.2	<i>Đất thủy lợi</i>		1.20					1.20	0.00	0.00	1.20
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới tiêu cho vùng sản xuất rau màu tập chung thôn Đỗ Thượng, xã Phạm Kha	DTL	1.00	LUC (0,70); DGT; DTL	Xã Phạm Kha	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; QĐ số 4792/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu xây dựng công trình	1.00			1.00
2	Nạo vét sông chùa đỏ huyện Thanh Miện	DTL	0.10	NTS, CLN, LUC	Xã Chi Lăng Bắc, xã Ngũ Hùng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 29/10/2011 của HĐND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	0.10			0.10
3	Nạo vét kênh KC TB Cống Giác, huyện Thanh Miện	DTL	0.10	NTS, CLN, LUC	TT Thanh Miện - xã Tứ Cường	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 29/10/2011 của HĐND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	0.10			0.10

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		
2.1.2.3	Đất cơ sở văn hóa		1.30					1.30	0.00	0.00	1.45
1	Mở rộng Nhà văn hóa + sân thể thao thôn Liên Đông, An Sơn	DVH	1.30	DVH, DTT, CLN, NTS	Xã Hồng Quang	Tờ 37, Tờ 30	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 quyết định phê duyệt báo cáo kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây mới nhà văn hóa thôn Liên Đông xã Hồng Quang; Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Thanh Miện	1.30			1.45
2.1.2.4	Đất cơ sở y tế		4.00					4.00	0.00	0.00	4.00
1	Mở rộng Trung tâm Y tế huyện Thanh Miện	DYT	4.00	LUC; CLN; CHN; NTS; DGT; DTL	TT Thanh Miện	Tờ 02 (thửa 568,567,...,635,678, 679)	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/4/2024 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án	4.00			4.00
2.1.2.5	Đất cơ sở giáo dục đào tạo		15.26					13.26	2.00	0.00	15.26
1	Các công trình phụ trợ Trường THPT Thanh Miện III	DGD	0.83	LUC (0,44); HNK (0,11); NTS (0,12); DGT (0,1); DTL (0,06)	Xã Ngũ Hùng	Tờ (8), Thửa (421,415,416,417,462,465,421,502,...,509,538)	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh Hải Dương	0.83			0.83
2	Dự án trường Mầm non Hoa Hồng	DGD	0.43	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	TT Thanh Miện	Tờ 8 thửa 365,366,...,506,507	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; QĐ số 4019 QĐ/UBND ngày 30/12/220 quyết định chủ trương đầu tư dự án trường Mầm non Hoa Hồng của Công ty Cổ phần Đầu tư giáo dục Việt Hà	0.43			0.43
3	Xây mới trường Mầm non thị trấn	DGD	1.65	LUC (1,60), DGT(0,03), DTL(0,02)	TT Thanh Miện	Tờ (7), Thửa (586,595,597,593,599,600,602,605,...,675,676..,749,750,751,...,825,826, 827)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng.	1.65			1.65
4	MR Trường Tiểu học Thị trấn (Điểm trường số 02- Hùng Sơn)	DGD	0.20	LUC	TT Thanh Miện (Hùng Sơn)	Tờ 15 (thửa 132)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; 'Xây dựng Nông thôn mới nâng cao	0.20			0.20
5	Mở rộng trường mầm non xã Thanh Giang	DGD	0.68	LUC: 0,66; DGT 0,01; DTL 0,01	Xã Thanh Giang	Tờ số 8 thửa 186, 332, 333, ...,513, 514)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương;	0.68			0.68
6	Mở rộng trường mầm non trung tâm	DGD	0.15	NTS	Xã Phạm Kha	Tờ 17 thửa 120	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương;	0.15			0.15
7	Trường Tiểu học trung tâm xã	DGD	1.03	LUC(1,0), DGT(0,03)	Xã Ngô Quyền	Tờ (10), Thửa (558,552, 550,526,528,546,...,549 ,505,506,530,...,534)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Trường tiểu học trung tâm xã Ngô Quyền.	1.03			1.03
8	Mở rộng trường THCS Chi Lăng Bắc	DGD	0.60	LUC (0,31); NTS (0,17); CLN (0,05) DGT (0,04); DTL (0,08)	Xã Chi Lăng Bắc	Tờ 6; thửa 600,588,584,585,711-714,597,596,595,586,594,	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương;	0.60			0.60
9	Mở rộng trường Mầm non trung tâm xã	DGD	0.90	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Tân Trào	Tờ (6) thửa (1381,1407,1408,1409,1442,1440,1438,1439), Tờ (10) thửa (15,16,17)	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/07/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết	0.90			0.90

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		
10	Xây dựng Trường Mầm non tập trung	DGD	1.78	LUC(1,65), DGT(0,09), DTL(0,04)	Xã Tứ Cường	Tờ (5), Thửa (1408, 1358,...1361, 1379, 1380,...,1378,1409, 1410, 1430,...,1435,1466,..., 1471, 1497, 1536).	Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; 'Quyết định số 7042/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 về việc phê duyệt báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình: San lấp mặt bằng, xây tường kè Trường mầm non trung tâm xã Tứ Cường	1.78		Gia hạn NQ 56-2021	1.78
11	Mở rộng trường Mầm non xã Cao Thắng	DGD	0.31	LUC (0.30); DGT(0.01)	Xã Cao Thắng	Tờ (6), Thửa (925, 926, 927; 1053-1056)	Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 về việc phê duyệt báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình: San lấp và xây mới tường rào Trường mầm non xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện	0.31		Gia hạn NQ 56-2021	0.31
12	Mở rộng trường tiểu học Cao Thắng và trường THCS xã Cao Thắng	DGD	0.44	LUC (0.340); DGT (0.04)	Xã Cao Thắng	Tờ (6), Thửa (1154-1158; 1166-1168, 1238, 1239-1241; 1263-1265)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; 'Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND huyện về việc phê duyệt chi tiết mở rộng khuôn viên trường tiểu học và THCS xã Cao Thắng	0.44			0.44
13	Mở rộng trường Mầm non xã Đoàn Kết	DGD	0.70	NTS	Xã Đoàn Kết	Tờ (25), Thửa (107, 120, 144, 145)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; 'Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng Trường Mầm non xã Đoàn Kết	0.70			0.70
14	Mở rộng trường tiểu học, THCS Xã Thanh Tùng	DGD	0.45	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Thanh Tùng	Tờ 9 (426-428, 344-350)	Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; QĐ số 471/QĐ-UBND Ngày 21-5-2018 về việc quy hoạch chi tiết xây dựng QHCT	0.45		Gia hạn NQ 56-2021	0.45
15	Xây dựng trường mầm non xã Thanh Tùng	DGD	1.20	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Thanh Tùng	Tờ 5 (1838-1840, 1940-1995) Tờ 10 (21-83, 142-165)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương	1.20			1.20
16	Mở rộng trường THCS xã Đoàn Kết	DGD	0.50	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Đoàn Kết	145,172,101..... Tờ 11	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Thanh miện	0.50			0.50
17	Mở rộng trường THCS xã Lê Hồng	DGD	1.41	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Lê Hồng	Tờ 10 thửa 929-936, 856-887	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Thanh miện; Đã lập QHCT chờ phê duyệt	1.41			1.41
18	Quy hoạch đất giáo dục (mở rộng 3 trường THCS, Tiểu học, Mầm non)	DGD	2.00	LUC, DGT, DTL	Xã Hồng Quang	Tờ 6 (961, ..., 1028,... 1055, 1123, ..., 1129, 1201, ..., 1213)	Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 02/7/2024 của UBND huyện về việc phê duyệt Điều chỉnh QHCT xây dựng trường mầm non Hồng Quang mở rộng, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500; Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 02/7/2024 của UBND huyện về việc phê duyệt QHCT xây dựng trường THCS Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500		2.00		2.00
2.1.2.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao		3.03					3.03	0.00	0.00	3.03
1	Sân vận động trung tâm xã Thanh Tùng	DTT	1.48	LUC (1,34), DTL(0,09);CLN (0,05); DGT	Xã Thanh Tùng	Tờ 10, Thửa (96,...,99,124,...,134,173, ...,187,168,169,...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt QHCT xây dựng sân vận động trung tâm xã Thanh Tùng	1.48			1.48
2	Quy hoạch sân vận động trung tâm xã Tứ Cường	DTT	1.00	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Tứ Cường	Tờ 10 (thửa 39,40,41,172, 173,169-171...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 980/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ QHCT xây dựng sân vận động trung tâm xã Tứ Cường	1.00			1.00

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		
3	Quy hoạch sân thể thao thôn Hữu Chung, xã Hồng Quang	DTT	0.08	NTS	Xã Hồng Quang	Tờ 10 thửa 1508	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Thanh Miện; Hoàn thiện thủ tục CMBĐ	0.08			0.08
4	Quy hoạch ao bơi thôn An Lâu, thôn An Sơn, thôn Hữu Chung Xã Hồng Quang	DTT	0.47	NTS	Xã Hồng Quang	Tờ 28, Tờ 33, Tờ 39	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Phù hợp với QHSDĐ đến năm 2030 huyện Thanh Miện;	0.47			0.47
2.1.2.7	Đất công trình năng lượng		4.90					4.24	0.66	0.00	3.49
1	Xây dựng mới đường dây 22kV và chuyển nhánh Phạm Kha lộ 373 E8.14 sang vận hành cấp điện áp 22kV	DNL	0.07	LUC (0.05), DGT, DTL,	Xã Đoàn Tùng Xã Lam Sơn TT Thanh Miện	Tờ 4,5,6, thửa 1, 2,3,4...Tờ 1,2,3, thửa 1, 5,6,7...Tờ 1, thửa 1,2,3 7,8,9...	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; QĐ phê duyệt báo cáo kinh tế- kỹ thuật số 651/QĐ-PCHD ngày 14/02/2020	0.07			
2	Đường dây 500 kV Nhiệt điện Nam Định1 - Phố Nối	DNL	3.05	LUC (1.52), CLN, DGT, DTL	Xã Ngũ Hùng, Hùng Sơn, TT Thanh Miện, Lam Sơn,, Hồng Quang, Đoàn Tùng, Ngô Quyền	Theo tuyến công trình	Nghị quyết số 71/NQ -HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 38 Nghị quyết-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1011/QĐ-TTg ngày 25/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường dây 500 kv Nhiệt điện; Nam Định 1 - Phố Nối.	3.05			3.05
3	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Miện năm 2020	DNL	0.06	LUC (0.02), CLN, DGT, DTL	Xã Đoàn Kết Xã Đoàn Tùng Xã Ngũ Hùng TT Thanh Miện	Tờ 1, thửa 1,2,4...Tờ 1, thửa 5,6 Tờ 1, thửa 3,5,7...Tờ 1, thửa 1,2	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; QĐ phê duyệt báo cáo kinh tế- kỹ thuật số 654/QĐ-PCHD ngày 14/02/2020	0.06			
4	Xây dựng mới đường dây 22kV từ TBA 110kV Thanh Miện để san tải cho lộ 474 E8.14	DNL	0.30	LUC (0.10), CLN, DGT, DTL	Xã Lam Sơn Xã Ngũ Hùng Xã Tứ Cường TT Thanh Miện Xã Thanh Giang	Tờ 1, thửa 1,2,3 Tờ 1, thửa 3,4 Tờ 1,2,3 thửa 4, 5,7,8... Tờ 1,2 thửa 1, 2,5,7...Tờ 1 thửa 2,4.	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2021; QĐ phê duyệt báo cáo kinh tế- kỹ thuật số 650/QĐ-PCHD ngày 14/02/2020	0.30		Gia hạn NQ 11-2021	0.30
5	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Miện năm 2022 (giai đoạn 2)	DNL	0.03	LUC (0.02), DGT, DTL,	Xã Lê Hồng Xã Ngũ Hùng Xã Thanh Tùng Xã Ngô Quyền TT Thanh Miện	Theo tuyến công trình	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2021; QĐ phê duyệt tạm giao kế hoạch số 5239/QĐ-PCHD ngày 04/10/2021	0.03		Gia hạn NQ 11-2021	0.03
6	Xây dựng mới và cải tạo đường dây 22kV lộ 475&476E8.14	DNL	0.06	LUC	Xã Lê Hồng Xã Tân Trào Xã Đoàn Tùng Xã Hồng Quang; Xã Lam Sơn; TT Thanh Miện	Theo tuyến công trình	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 2785/QĐ-PCHD ngày 06/7/2022 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương Về việc tạm giao kế hoạch ĐTXD và CBĐT năm 2024	0.06			0.04

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		
7	Xây dựng mới và cải tạo lưới điện trung áp huyện Thanh Miện và Bình Giang	DNL	0.23	LUC	Xã Tứ Cường, Xã Chi Lăng Bắc, Xã Ngũ Hùng	Theo tuyến công trình	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 1709/QĐ-PCHD ngày 26/4/2022	0.23			
8	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Miện năm 2023	DNL	0.02	LUC HNK; DGT; DTL...	Xã Phạm Kha xã Chi Lăng Bắc xã Ngô Quyền xã Lam Sơn; Xã Thanh Giang; xã Chi Lăng Nam	Theo tuyến công trình	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 2785/QĐ-PCHD ngày 06/7/2022 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương Về việc tạm giao kế hoạch ĐTXD và CBĐT năm 2024	0.02			
9	Xây dựng các công trình điện năng trên địa bàn huyện Thanh Miện	DNL	0.22	LUC (0.30), Đất Khác	Xã Tứ Cường; Xã Chi Lăng Bắc; Xã Ngũ Hùng	Theo tuyến công trình	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 2785/QĐ-PCHD ngày 06/7/2022 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương Về việc tạm giao kế hoạch ĐTXD và CBĐT năm 2024	0.22			
10	Xây dựng mới các lộ xuất tuyến 35kV và 22kV sau TBA 110kV Hưng Thái	DNL	0.06	LUC, DGT, DTL	Xã Thanh Giang	Theo tuyến công trình	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Quyết định phê duyệt phương án đầu tư số 2640/QĐ-PCHD ngày 29/8/2023. Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	0.06			
11	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Miện năm 2024	DNL	0.02	LUC	Xã Hồng Phong; Xã Tân Trào	Theo tuyến công trình	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; QĐ số 2361/QĐ-PCHD về việc tạm giao kế hoạch ĐTXD 2024. Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	0.02			
12	Di chuyển đường điện phục vụ GPMB tại vị trí nút giao đầu tuyến và nút giao cuối tuyến Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai phía Đông Bắc, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện	DNL	0.03	LUC, DGT, DTL	Thị trấn Thanh Miện và xã Lam Sơn	Theo tuyến công trình	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/4/2024 của HĐND tỉnh; Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Di chuyển đường điện phục vụ GPMB tại vị trí nút giao đầu tuyến và nút giao cuối tuyến Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai phía Đông Bắc, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện	0.03			0.03
13	Bổ sung chân cột điện trung thế (thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương)	DNL	0.03	NTS, LUC, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Đoàn Kết; Lê Hồng; Tứ Cường; Ngũ Hùng; thị trấn Thanh Miện	Tờ bản đồ canh tác 9, 10; 7, 11; 9, 13; 12	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận thu hồi đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án, công trình phát sinh năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 397/QĐ-BQLDA ngày 22/4/2022 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; Hạng mục: Di chuyển đường điện trung, hạ thế để giải phóng mặt bằng thuộc dự án đầu tư xây dựng đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương	0.03			
14	Xây dựng mới và cải tạo đường dây 22kV lộ 475&476E8.14	DNL	0.06	LUC	Xã Lam Sơn; Xã Lê Hồng; Xã Hồng Quang; TT Thanh Miện, xã Tân Trào	Theo tuyến công trình	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; QĐ số 2361/QĐ-PCHD về việc tạm giao kế hoạch ĐTXD 2024. Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	0.06			0.04

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		
15	Đường dây và TBA 110 KV Thanh Miện 2	DNL	0.63	LUC, DGT, DTL	Xã Thanh Tùng	Theo tuyến công trình	công văn số 3719/PCHD - ĐT ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương		0.63		
16	Công trình: Xây dựng đường dây trung thế, các TBA phân phối phía Nam và cải tạo lưới điện hạ thế huyện Thanh Miện năm 2025	DNL	0.01	LUC, DGT, DTL	Xã Tứ Cường; Xã Chi Lăng Bắc; TT Thanh Miện	Theo tuyến công trình	công văn số 3719/PCHD - ĐT ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương		0.01		
17	Công trình: Xây dựng đường dây trung thế, các TBA phân phối phía Bắc và cải tạo lưới điện hạ thế huyện Thanh Miện năm 2025	DNL	0.02	LUC, DGT, DTL, HNK	Xã Lê Hồng Xã Đoàn Tùng Xã Phạm Kha	Theo tuyến công trình	công văn số 3719/PCHD - ĐT ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương		0.02		
2.1.2.8	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>		6.50					6.50	0.00	0.00	6.50
1	Quy hoạch bãi rác tập trung thôn Phương Khê	DRA	1.00	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Chi Lăng Bắc	Tờ 04 (thửa 374, 375, 376, 398, 397, 407, 408, 429, 430, 431, 432, 433, 405, 404, 399, 400, 401, 403, 435, 434, 14)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nằm trong QH sử dụng đất đến năm 2020	1.00			1.00
2	Bãi rác xã Thanh Tùng	DRA	0.50	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Thanh Tùng	Tờ 12 (Thửa 380-382, 412, 413, 389, 391, 392...)	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVII, kỳ họp thứ 13; Di chuyển bãi rác để thực hiện GPMB đường trục Bắc - Nam; Văn bản số 35/UBND VP ngày 05/01/2023 của UBND tỉnh Hải Dương V/v bổ sung hạng mục đầu tư xây dựng bãi rác thôn La Xá, xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện vào Dự án đầu tư xây dựng đường trục Bắc - Nam huyện Thanh Miện (giai đoạn 1).	0.50			0.50
3	Nhà Máy xử lý rác	DRA	5.00	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Ngũ Hùng	Tờ 10 (thửa 760-765, 838-860, 930-947, 1021-1040, 1112-1199, 1275-1275, 1350)	Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương	5.00		Gia hạn NQ 56-2021	5.00
2.1.2.9	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>		1.97					1.02	0.95	0.00	1.22
1	Xây dựng chùa thôn Lam Sơn	TON	0.09	LUC (0,03); NTS (0,06)	Xã Lam Sơn	Tờ (6), Thửa (1269-1272,1357-1362,1455-1460)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Kết luận số 01-KL/BCĐ ngày 27/9/2019 của BCĐ công tác Tôn giáo tỉnh Hải Dương về kết quả kiểm tra công tác xây dựng, sửa chữa, trùng tu, tôn tạo cơ sở tôn giáo trên địa bàn tỉnh; Đã xây dựng, xin cấp giấy chứng nhận và giao đất	0.09			0.09
2	Mở rộng Chùa Đoàn Lâm (thôn Đoàn Phú); Mở rộng nhà thờ thôn Đông	TON	0.38	NTS, HNK	Xã Thanh Tùng	Tờ 21 (thửa 22); Tờ 20, thửa 292	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Kết luận số 01-KL/BCĐ ngày 27/9/2019 của BCĐ công tác Tôn giáo tỉnh Hải Dương về kết quả kiểm tra công tác xây dựng, sửa chữa, trùng tu, tôn tạo cơ sở tôn giáo trên địa bàn tỉnh; Đã xây dựng, xin cấp giấy chứng nhận và giao đất	0.38			0.38
3	Chùa Diên Quang thôn Phạm Xá, xã Ngô Quyền	TON	0.55	NTS, LUC, CHN	Xã Ngô Quyền	Tờ 13 thửa 288-293, 309-325, 330-334		0.55			0.55
4	Mở rộng nhà thờ Thanh Xá, thôn Phí Thanh Xá; Mở rộng chùa Hạnh Phúc	TON	0.75	NTS, LUC, CHN	Xã Lê Hồng		Kết luận số 01-KL/BCĐ ngày 27/9/2019 của BCĐ công tác Tôn giáo tỉnh Hải Dương về kết quả kiểm tra công tác xây dựng, sửa chữa, trùng tu, tôn tạo cơ sở tôn giáo trên địa bàn tỉnh; Đã xây dựng, xin cấp giấy chứng nhận và giao đất		0.75		
5	Quy hoạch chùa thôn Hòa Bình, mở rộng chùa Bằng Bộ.	TON	0.20	DVH, NTS, LUC, DGT	Xã Cao Thẳng				0.20		0.20

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		
2.1.2.10	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		4.50					4.50	0.00	0.00	4.50
1	Xây mới nghĩa địa tập trung tại thị trấn Thanh Miện	NTD	4.50	LUC, CLN, SON	TT Thanh Miện	Tờ (01), Thửa (81-84, 135, 149, 200, 307, 349, 345, 341, , 127, 156, ...,264)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (0,20); Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương (4,30); Di chuyển mộ trong khu đô thị phía Bắc thị trấn Thanh Miện	4.50			4.50
2.1.2.11	Đất chợ		0.12					0.12	0.00	0.00	0.12
1	Chợ Dao xã Chi Lăng Nam	DCH	0.12	CLN, NTS, LUC	Xã Chi Lăng Nam	Tờ 6 thửa 297, 284, 283	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Phù hợp với QHSDD đến năm 2030 huyện Thanh miện; Dân hiến đất	0.12			0.12
2.1.3	Đất danh lam thắng cảnh		3.37					3.37	0.00	0.00	14.63
1	Dự án bảo tồn thiên nhiên khu Đảo Cò (mở rộng)	DDL	3.37	LUC (16,63); CLN (0,5); NTS (0,36); ONT (0,25); DGT (0,23); DTL (0,03); NTD (0,02); DDL(0,05)	Xã Chi Lăng Nam	Tờ (9), Thửa (300, 279, 222); Tờ 29 (thửa 190, 191, 182, 786, 785, 826, 780, 778, 779, 783,791); Tờ 31 (thửa 820, 819, 818, 823, 811, 812, 813, 808,...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 3204/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 về việc phê duyệt nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu du lịch và bảo tồn sinh thái Đảo Cò, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện và Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết số 539/QĐ-UBND ngày 02/2/2018 của UBND huyện	3.37			14.63
2.1.4	Đất ở tại nông thôn		73.16					63.47	9.69		86.99
1	Xây dựng khu dân cư mới xã Phạm Kha	ONT	12.30	LUC(8,20); HNK ; NTS; CLN; MNC; DGT; DTL...	Xã Phạm Kha	Tờ (8,14,16) thửa (831,757,57,238,.....,588 ,589,)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (1.15 luc 1.15); Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh mở rộng QHCTXD khu dân cư mới xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	12.30		Gia hạn NQ 56-2021	12.30
2	Xây dựng khu dân cư mới xã Tứ Cường	ONT	9.90	LUC (8,75); HNK (0,03); DGT (0,6); DTL (0,50); MNC (0,01); DNL (0,01)	Xã Tứ Cường	Tờ (05), Thửa (01,02,.....,589,590); Tờ (6), Thửa (06,07,.....,164,165)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (9,6 ha; luc: 9,5); Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND uyện Thanh Miện Vv phê duyệt QHCTXD Xây dựng khu dân cư mới xã Tứ Cường	9.90			9.90
3	Xây dựng khu dân cư mới thôn Đoàn Phú xã Thanh Tùng	ONT	6.77	LUC (5,09); DGT (1,21); DTL (0,4); NTD (0,07)	Xã Thanh Tùng	Tờ (4), thửa (760, 688, 654... 956, 955... 753, 752... 949, 946.. 809, 810, 838,... 945), Tờ (9), thửa (121, 124... 233, 243... 427, 504, 503,...., 232, 119,...., 19,...., 222, 143,, 20, 21,, 115, 54, 22, 23)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; QĐ: 935/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND huyện Thanh Miện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới thôn Đoàn Phú xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500	6.77			6.77
4	Điểm dân cư mới thôn Đoàn Phú (cũ là Phú Cốc) xã Thanh Tùng	ONT	2.80	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Thanh Tùng	Tờ 09 (thửa 49-52; 116-120; 341-354-353-351 - 504)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; QĐ: 1238/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND huyện Thanh Miện V/v phê duyệt quy hoạch dân cư mới thôn Phú Cốc	2.80			2.80

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		
5	Xây dựng khu dân cư mới xã Hồng Quang	ONT	0.80	LUC (6,35); DGT (1,0); DTL (0,3)	Xã Hồng Quang	Tờ (10), Thửa (239, 238, 254... 308, 371, 372, 411, 442... 375, 346, 345... 288, 261... 262, 263... 152, 153... 110... 213... 227).	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 quyết định về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang huyện Thanh Miện, tỷ lệ 1/500	0.80			7.65
6	Điểm dân cư mới thôn Cự Trì, xã Ngũ Hùng	ONT	0.50	LUC (0,42), DTL (0,05), DGT (0,03)	Xã Ngũ Hùng	TỜ 6 (1069-1071, 1134-1150, 1249-1238)	Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới thôn Cự Trì xã Ngũ Hùng	0.50		Gia hạn NQ 56-2021	1.40
6	Xây dựng điểm dân cư mới thôn An Phong, xã Hồng Phong	ONT	0.50	NTS	Xã Hồng Phong	Tờ (14), Thửa (270)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới thôn An Phong xã Hồng Phong	0.50			0.50
7	Xây dựng điểm dân cư mới thôn An Xá	ONT	0.57	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Tân Trào	Tờ (6), Thửa (202,....226,217,216,215,205,206,147,223,246, 247,250,248)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của UBND huyện Thanh Miện phê duyệt quy hoạch chi tiết	0.57			0.57
8	Điểm dân cư mới thôn Phù Tải 2, xã Thanh Giang	ONT	1.60	LUC (1.15); DGT (0.20); DTL(0.06); NTD (0.01); HNK (0.08); CLN (0.06); NTS (0.05)	Xã Thanh Giang	Tờ 8 (thửa 981, ..., 997; 1087, ..., 1102; 1118, ..., 1130)	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2021; Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; QĐ số 125/QĐ-UBND ngày 05/12/2021 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới thôn Phù Tải 2 xã Thanh Giang huyện Thanh Miện	1.60			1.60
9	Xây dựng điểm dân cư mới thôn Phạm Lâm, xã Đoàn Tùng	ONT	1.60	LUC (1,58); DGT (0,02)	Xã Đoàn Tùng	Tờ (07), thửa (885,886,887,908,909,910,906,999,....,1006,1024,1025,1026,1027)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 về việc phê duyệt QHCT khu dân cư mới thôn Phạm Lâm, xã Đoàn Tùng	1.60			1.60
10	Điểm dân cư mới thôn Thúy Lâm, xã Đoàn Tùng	ONT	0.89	LUC (0,65), DGT (0,11), DTL (0,16), DNL (0,01)	Xã Đoàn Tùng	Tờ 7 (thửa 1701-1705); Tờ 10 (thửa 38-42; 131-136...); Tờ 11 (thửa 77-81, 2-5)	Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương, Số 386-TB/HU ngày 25/4/2022 về phương án Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới thôn Thúy Lâm và điểm dân cư mới thôn Đoàn Lâm xã Đoàn Tùng	0.89		Gia hạn NQ 56-2021	0.89
11	Điểm dân cư tập trung Thờ Nợ xã Đoàn Tùng	ONT	1.20	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Đoàn Tùng	Tờ 11 (thửa 814,804,815,824,....,736,778,780,...)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 11/2021 Nghị quyết-HĐND ngày 30/6/2021; Quyết định số 102/QĐ-UBND này 28/01/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh QHCT xây dựng khu dân cư tập trung	1.20			3.30
12	Xây dựng điểm dân cư mới thôn Thúy Lâm, xã Đoàn Tùng (khu Cổng Cáo)	ONT	0.68	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Đoàn Tùng	Tờ 10 (thửa 224,221,220,223,222); Tờ (11), Thửa (221-224; 151,....,154,83,84,27,82)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư	0.68		Gia hạn NQ 25-2022	0.68
13	Điểm dân cư mới thôn Thủ Pháp để đấu giá và tái định cư GPMB đường dẫn cầu Hải Hưng	ONT	1.10	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Đoàn Kết	Tờ 4 (Thửa 1274-1277, 936...1012, 1359, 1619,) Tờ 8 (thửa 10-19, 104-107, 133, 110...)	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn bản số 212/SGTVT-P4 ngày 13/02/2023 của Sở GTVT V/v xin ý kiến đối với sơ bộ phương án bỏ thường, hỗ trợ GPMB Dự án đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Hải Hưng kết nối tỉnh Hải Dương với tỉnh Hưng Yên, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	0.81	0.29		4.80
14	Khu dân cư mới xã Ngô Quyền	ONT	9.90	luc; 8,55, DTL (0,65) DGT (0,7)	Xã Ngô Quyền	TỜ 10 (293-297; 265-269; 6-20); TỜ 5 (557-560,475-479; 565-571)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Văn bản số 2930/UBND-Vp ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh V/v chấp thuận chủ trương lập Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư mới xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện;	9.60	0.30		9.90

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		
15	Xử lý nhà đất, đầu giá quyền sử dụng đất tại điểm trường tiểu học Ngô Quyền (cũ); địa chỉ Thôn Văn Xá, xã Ngô Quyền	ONT	0.56	DGD	Xã Ngô Quyền	tờ bản đồ địa chính số 6, thửa 695...	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định 3604/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt phương án tổng thể, sắp xếp lại xử lý nhà đất; Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt bổ sung, thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất	0.56			0.60
16	Xử lý nhà đất, đầu giá quyền sử dụng đất ở tại Trạm vật tư nông nghiệp cũ; địa chỉ Thôn An Nghiệp, xã Tứ Cường	ONT	0.04	DTS, TSC	Xã Tứ Cường	tờ bản đồ địa chính số 23, thửa 93...	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định 3604/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt phương án tổng thể, sắp xếp lại xử lý nhà đất; Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt bổ sung, thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất	0.04			0.05
17	Xử lý nhà đất, đầu giá quyền sử dụng đất ở tại Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cơ sở 2; địa chỉ: Thôn An Nghiệp, xã Tứ Cường	ONT	0.07	DTS, TSC	Xã Tứ Cường	tờ bản đồ địa chính số 23, thửa 92...	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định 3604/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt phương án tổng thể, sắp xếp lại xử lý nhà đất; Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt bổ sung, thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất	0.07			0.09
18	Xử lý nhà đất, đầu giá quyền sử dụng đất ở tại Nhà Văn hóa cụm dân cư số 4 thôn Cự Trì, xã Ngũ Hùng	ONT	0.09	DVH	Xã Ngũ Hùng	tờ bản đồ số 29, thửa 93...	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định 3604/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt phương án tổng thể, sắp xếp lại xử lý nhà đất; Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt bổ sung, thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất	0.09			0.10
19	Bổ sung Điểm dân cư mới thôn Bùi Xá để tái định cư GPMB đường dẫn cầu Hải Hưng	ONT	0.08	NTS, LUC, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Đoàn Kết	Tờ bản đồ địa chính số 26, thửa 193; 268...	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương; Phục vụ tái định cư Dự án đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Hải Hưng kết nối tỉnh Hải Dương với tỉnh Hưng Yên, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; Thông báo kết luận của Ban Thường vụ tỉnh ủy số 850-TB/TU ngày 25 tháng 11 năm 2022 về đầu tư xây dựng cầu Hải Hưng bắc qua sông Chanh, kết nối tỉnh Hưng Yên và Hải Dương	0.08			0.09
20	Khu Dân cư mới xã Tân Trào	ONT	12.10	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Tân Trào	Tờ 10 (264, ..., 315, ..., 324, ..., 373, ..., 375, ...826, ..., 539, 622)	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Thông báo số 591-TB/TU ngày 27/01/2022 kết luận của ban thường vụ tỉnh ủy về phương án Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư mới xã Tân Trào tỷ lệ 1/500;	12.10			12.30
21	Điểm dân cư xã Chi Lăng Bắc	ONT	0.05	NTS	Xã Chi Lăng Bắc	Tờ 16 (50)	Đã cấp giấy chứng nhận nhưng thu hồi để xử lý tồn tại Theo Kết luận phúc tra đơn tố cáo ở xã Chi Lăng Bắc số 137/TTr ngày 26/9/1998 của Thanh tra tỉnh Hải Dương		0.05		0.05
22	Điểm dân cư nhà ông Thục	ONT	0.05	NTS, CHN	Xã Chi Lăng Nam		Xử lý tồn tại do xã đổi đất của hộ dân để làm chùa, Văn bản đề nghị số 2907/UBND-TNMT ngày 28/11/2022 về việc xin ý kiến chỉ đạo để tháo gỡ vướng mắc trong việc cấp GCN QSD đất cho Ông Nguyễn Đăng Thục, Xã Chi Lăng Nam huyện Thanh Miện		0.05		0.05
23	Khu dân cư phía Đông	ONT	9.00	DTT, LUC, DGT, DTL, CLN, NTS, MNC	Xã Lam Sơn				9.00		9.00
2.1.5	Đất ở đô thị		146.69					139.09	7.60		146.69

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		
1	Khu đô thị mới Thanh Miện	ONT, ODT	91.34	LUC (72,39); NKH (0,28); NTS (2,79); HNK (0,02); CLN (0,64); ONT (0,05); ODT (0,06); SKC (0,04); DNL (0,02); MNC (0,71); SON (0,46); DGT (8,13); DTL (5,72); NTD (0,03)	TT Thanh Miện; Xã Lam Sơn	Tờ 02,03,04,09,5; tờ 8,13,23	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2021; Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 25/09/2018 quyết định về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Thanh Miện, huyện Thanh Miện tỷ lệ 1/500; Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	91.34		Gia hạn NQ 11-2021	91.34
2	Khu dân cư mới phía Nam chợ Neo	ODT	8.20	LUC (7,0), CLN (0,25), DTL (0,08), DGT (0,57)	TT Thanh Miện	Tờ (8,30,39,40,51), thửa (538,534,535,.....,889,890,...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 3398/QĐ-UBND tỉnh Hải Dương về quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư chợ Neo. Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới phía Nam chợ Neo.	8.20			8.20
3	Xây dựng điểm dân cư mới TT Thanh Miện (Hùng Sơn) thôn Triệu Nội	ODT	4.29	LUC ; DGT, DTL, DNL...	TT Thanh Miện	Tờ (1), Thửa (53,67,70,81,82,84,85,100,101,....,240,241,296,382,389,390,395,396)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới thôn Triệu Nội, xã Hùng Sơn, huyện Thanh Miện. Đầu giá QSĐĐ để tạo nguồn vốn XD nông thôn mới	4.29			4.29
4	Điểm dân cư Phía Tây trường Mầm non Hoa Sen (Tái định cư)	ODT	0.26	LUC, NTS, DGT, DTL	Thị trấn Thanh Miện	Tờ 8 (Thửa 299, 229, 300, 319...) Tờ 31 (thửa 32, 44)	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Thực hiện tái định cư đường vành đai phía Đông Bắc thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện; Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND huyện về phê duyệt quy hoạch chi tiết	0.26			0.26
5	Khu dân cư mới phía Đông Nam thị trấn Thanh Miện	ODT	36.10	LUC, NTS, CLN, DGT, DTL, NTD, MNC, SON,...	Thị trấn Thanh Miện, xã Tứ Cường	Tờ 8, 9, 12, 13	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy hoạch chi tiết Khu dân cư mới phía Đông Nam thị trấn Thanh Miện; Quyết định số 3957/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Hải Dương Chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới phía Đông Nam thị trấn Thanh Miện	35	1.10		36.10
6	Khu tái định cư thị trấn Thanh Miện	ODT	2.00	LUC, CLN, NTS, DGT, DTL	Thị trấn Thanh Miện	tờ 4 (1,...., 184)	Phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025		2.00		2.00
7	Khu dân cư Bất Nạo, thị trấn Thanh Miện	ODT	4.50	LUC, CLN, NTS, DGT, DTL	Thị trấn Thanh Miện				4.50		4.50
2.1.6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan		4.52					4.52	0.00	0.00	4.52
1	Mở rộng Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND-UBND xã	TSC	0.30	LUC (1,2) DGT (0,06), DTL(0,04)	Xã Cao Thắng	Tờ 6 thửa (1046...1051, 1061...1065,1159,1160, 2032)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng và mở rộng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Cao Thắng huyện Thanh Miện. Doanh nghiệp ứng vốn trước để xây dựng (1,30)	0.30			0.30

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		
2	Nhà Văn hóa trung tâm và khu hành chính tập chung huyện Thanh Miện	TSC	0.81	DGD, NTS, MNC	TT Thanh Miện	Tờ 21 thửa 6; Tờ 22 thửa 37	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Quyết định 1152/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng nhà văn hóa trung tâm và Khu hành chính tập chung huyện Thanh Miện	0.81			0.81
3	Mở rộng Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND-UBND xã Chi Lăng Bắc (Xây dựng nhà làm việc công an xã)	TSC	0.13	NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Chi Lăng Bắc	Tờ số 7 (Thửa 887, 1006, 1005)	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVII, kỳ họp thứ 13; Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an cấp xã trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025"; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Miện Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc công an cấp xã	0.13			0.13
4	Xây dựng Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND-UBND xã Thanh Giang (Xây dựng nhà làm việc công an xã)	TSC	1.70	LUC; DGT; DTL; DTT	Xã Thanh Giang	Tờ số 8 (Thửa 930-961, 1148-1158, 1161-1183)		1.70			1.70
5	Mở rộng Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND-UBND xã Đoàn Kết (Xây dựng nhà làm việc công an xã)	TSC	0.09	CLN, NTS	Xã Đoàn Kết	Tờ 26 (Thửa 275, 276, 2299)		0.09			0.09
6	Mở rộng Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND-UBND xã Tân Trào (Xây dựng nhà làm việc công an xã)	TSC	0.09	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Tân Trào	Tờ 6 (Thửa 1357-1360, 1285-1288)		0.09			0.09
7	Mở rộng Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND-UBND xã Tứ Cường (Xây dựng nhà làm việc công an xã)	TSC	0.15	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Tứ Cường	Tờ số 5 (thửa 1530-1533, 1498)		0.15			0.15
8	Mở rộng Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND -UBND xã Hồng Phong	TSC	0.20	NTS	Xã Hồng Phong	Tờ 17 thửa 215, 192, 233		0.20			0.20
9	Mở rộng Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND -UBND xã Lê Hồng (xây dựng nhà làm việc công an xã) (02 vị trí)	TSC	0.35	LUC, CHN, DGT, DTL	Xã Lê Hồng	Tờ 9, thửa 1929-1936, 1872,1873,1874...1964-1966; 1930-1938; 1962-1970		Nghị quyết số 71/ NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Trụ sở Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Lê Hồng, tỷ lệ 1/500 (vị trí số 02)	0.35		
10	Mở rộng Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND -UBND xã Lam Sơn (xây dựng nhà làm việc công an xã)	TSC	0.70	LUC, CHN, NTS DGT, DTL	Xã Lam Sơn	Tờ 8 thửa 40, 41, 42, 43...	Nghị quyết số 71/ NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 15/NQHĐND ngày 24/6/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Miện Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc công an cấp xã	0.70			0.70
2.1.7	Đất tín ngưỡng		0.24	0.00	0.00		0.00	0.09	0.15	0.00	0.24
1	Xây dựng và mở rộng khuôn viên đình làng Tòng Hóa	TIN	0.09	DVH	Xã Đoàn Kết	Tờ 30 (thửa 196,198)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nằm trong QH sử dụng đất đến năm 2030	0.09			0.09
2	Quy hoạch đình làng thôn Liên Đông	TIN	0.15	DVH	Xã Hồng Quang	tờ 30 (393)	Phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025		0.15		0.15
2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất		30.06					17.76	12.30	0.00	31.37
2.2.1	Đất thương mại dịch vụ		25.23					12.93	12.30		25.23
1	Đầu tư dự án Khách sạn Thái Dương của công ty TNHH đầu tư phát triển Thái Hiếu	TMD	0.32	LUC (0,10); CLN (0,065); NTS (0,07); DGT (0,03); DTL (0,035)	Xã Đoàn Tùng	Tờ 7 (thửa 1318-1321, 1388,....,1739, 1740)	Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Nghị Quyết số 38/Nghị quyết-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh (0,30); Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 3106/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	0.32		Gia hạn NQ 56-2021	0.32

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		
2	Tổng hợp dịch vụ Thương Mại	TMD	2.15	LUC (1,87), HNK (0,01); NTS (0,16) DGT (0,07), DTL (0,03), CLN	Xã Ngũ Hùng	Tờ số 12 (Thửa 859, 858, 864-927, 929-987-990...) Tờ số 11 (thửa 859, 860,926, 992, 993)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 2646/QĐ- UBND ngày 17/11/2023 quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Tổng hợp dịch vụ thương mại	2.15			2.15
3	Dự án Tổng hợp dịch vụ Thương mại Cao Thắng- Thanh Miện của Công ty CPTM Linh Ngọc	TMD	5.69	LUC (5,50); NTS (0,10); DGT (0,05); DTL (0,04)	Xã Cao Thắng	Tờ số 7 thửa (291, 315,443, 460, 716-717, 804, 874, 789, 1543)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 691/QĐ-UBND ngày 19/03/2020 của UBND tỉnh Hải Dương	5.69			5.69
4	Xây dựng cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng Thêm Nhung	TMD	0.50	LUC; DGT, DTL	Xã Thanh Tùng	Tờ 04 (thửa 506,507,566,567,602-607,660,661)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 688/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh Hải Dương	0.50			0.50
5	Xây dựng cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng Tuất Mơ	TMD	0.50	LUC; DGT, DTL	Xã Thanh Tùng	Tờ 4 (613, 614,729,749,750,811,812, 836, 837)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 396/QĐ -UBND Ngày 08/5/2020 Về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng Tuất Mơ; QĐ số 1042/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng Tuất Mơ	0.50			0.50
6	Xây dựng cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng, nội thất cao cấp, thiết bị nhà tắm của hộ ông Vương Văn Luận	TMD	0.50	LUC; DGT, DTL	Xã Tứ Cường	Tờ 06 (Thửa 443,444,...446,447,498, 500,501,502,513,514,516,602,603)	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ; Quyết định số 902/QĐ -UBND Ngày 20/11/2020 Về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án cơ sở kinh doanh đồ gỗ, nội thất thiết bị nhà tắm và đồ điện tử của hộ kinh doanh Vương Văn Luận	0.50			0.50
7	Dự án đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Tiên Mạnh của Công ty TNHH MTV Tiên Mạnh	TMD	0.90	LUC (0,85); DGT (0,03); DTL (0,02)	Xã Ngũ Hùng	Tờ số 11 (thửa 509-515, 535-539-544)	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Quyết định số 2963/QĐ- UBND ngày 13/12/2023 quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án Cửa hàng kinh doanh xăng dầu và thương mại dịch vụ Tiên Mạnh	0.90			0.90
8	Đất thương mại dịch vụ khu Trại Cá	TMD	0.90	NTS, LUC, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Lê Hồng	Tờ 30 thửa 181; Tờ 10 thửa 970-973, 1000-110	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận thu hồi đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án, công trình phát sinh năm 2024 trên địa bàn tỉnh;	0.9			0.90
9	Cơ sở kinh doanh xăng dầu và dịch vụ thương mại Tổng hợp của Công ty TNHH Nam Quân HD	TMD	1.47	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Ngũ Hùng	Tờ 5 (Thửa 193-201, 230-239, 269-275)	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Văn bản số 71/SKHĐT-ĐT, TĐ&GSĐT ngày 19/01/2022 về việc xin ý kiến thẩm định đối với đề xuất dự án Cơ sở kinh doanh xăng dầu và dịch vụ thương mại tổng hợp của Công ty TNHH Nam Quân HD	1.47			1.47
10	Đất dịch vụ thương mại phía Nam quốc lộ 38B	TMD	3.00	LUC, NTS, CLN, CHN, DGT, DTL	Xã Tứ Cường	tờ 6 (722-728, 731-736, 624-628, 601-603, 629-368, 495, 496, 515-519, 711-721, 738-750) tờ số 11 (1-14, 100-120, 213-218)	Phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025		3.00		3.00
11	Đất dịch vụ thương mại gần trung tâm y tế huyện (cạnh đường vành đai thị trấn Thanh Miện)	TMD	2.15	LUC, NTS, CHN, DGT, DTL	Thị trấn Thanh Miện, xã Lam Sơn	Thị trấn: tờ số 02 (22-24, 44-51, 78-105, 155-165, 186-188, 254-261, 276-281. 347-350, 370, 372, 373) xã Lam Sơn: tờ số 13 (241-243, 252-255, 280, 281)	Phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025		2.15		2.15

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		
12	Đất dịch vụ thương mại khu đôi vải xã Ngũ Hùng	TMD	1.15	CLN, NTS, CHN, DGT, DTL	Xã Ngũ Hùng	tờ số 14 (50-52 54-56, 63, 64, 65)	Phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025		1.15		1.15
13	Đất dịch vụ thương mại cạnh đường huyện Lam Sơn - Phạm Kha	TMD	3.00	LUC, CLN, NTS, CHN, DGT, DTL	Xã Phạm Kha	tờ số 8 (1983-1987, 2078-2081, 2020-2022, 2012-2017, 2082, 2083-2091) tờ số 11 (43, 47-51, 77-84, 196-198, 200, 202, 244-250, 330-335, 387, 936-939)	Phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025		3.00		3.00
14	Đất dịch vụ thương mại bên cạnh đường vành đai và cây xăng Lam Sơn	TMD	3.00	LUC, DGT, DTL, MNC, DGD	Xã Lam Sơn				3.00		3.00
2.2.2	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh		4.83					4.83	0.00	0.00	6.14
1	Mở rộng bổ sung diện tích Nhà máy nước sạch Tiên Phong	SKC	0.64	LUC (0,55); DTL (0,06); DGT (0,03)	Xã Hồng Phong	Tờ 01 thửa (89-103,72-80, 1-3...)	Nghị Quyết số 38/Nghị quyết-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Thông báo số 199/TB-VP ngày 23/12/2019 về thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh về việc nghiên cứu, Khảo sát mở rộng, nâng công suất nhà máy nước xã sạch Tiên Phong	0.64			0.64
2	Mở rộng, bổ sung trạm bơm tăng áp xã Tứ Cường để Xây dựng trụ sở nhà máy kinh doanh nước sạch số 9 (Do việc di chuyển vị trí để GPMB đường vành đai phía Đông Bắc thị trấn Thanh Miện huyện Thanh Miện)	SKC	0.39	LUC, DGT, DTL	Xã Tứ Cường	Tờ 06 (thửa 181, 182, 189, 199,201..)	Nghị Quyết số 38/Nghị quyết-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh; Công văn số 1034/CV-KDNS ngày 20/6/2023 của Công ty cổ phần nước sạch Hải Dương về việc triển khai dự án đầu tư mở rộng, nâng công suất nhà máy nước sạch xã Hồng Phong	0.39			1.00
3	Dự án cơ sở gia công hàng may mặc xuất khẩu Công ty cổ phần may Việt Trí (phần mở rộng)	SKC	3.30	luc: (3.10), DGT (0,08), DTL (0,12)	Xã Hồng Quang	Tờ 9 (382 ...497, ...546, ...660)	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2021; CV số 4479/UBND-VP ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh V/v chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án	3.30		Gia hạn NQ 11-2021	4.00
4	Xây dựng cơ sở sấy lúa, kho lưu trữ thóc Ái Huyền	SKC	0.50	LUC, DGT, DTL	Xã Ngũ Hùng	Tờ 12 (thửa 1022,1077,1078,1079,1080,1092,451,1091,1090,1147,1148,...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	0.50			0.50

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

Stt	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình	Dự án (ha)		Ghi chú	Điều chỉnh quy hoạch (ha)
			Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Chuyển tiếp 2024 (ha)	Đăng ký 2025 (ha)		

#REF!
#REF!

1

1

#REF!

2

129.00	
116.00	

5

4

5

6

7

8

70.00
16

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

24

3

25

26

27

1

28

1

29

18

30

31

32

33

34

35

36

37

38

39

40

41

42

43

44

45

46

47

4

48

49

50

51

17.00

52

53

54

55

56

57

58

59

60

61

62

63

64

65

66

67

68

3

69

70

71

5

72

73

74

75

76

1

77

1

78

1

79

22

80

ok

phải ra hạn

81

ok

82

ok

83

ok

84 ok

85

86

87

88

89

90

91

92

93

94

95

96

97

98

99

100

101

102

6

103

107

108

109

110

111

10

112

113

114

115

116

117

118

119

120

121

2

122

123

13.00

9

124

125

126

127

128

129

130

131

132

4

133

134

135

136

